

Bản án số: **262/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 31-07-2018

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia, đình ly
hôn, nuôi con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Trường Huân;
2. Ông Phan Phước Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018, về việc: “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 278/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 310/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 36, ấp P, xã PH, huyện A, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Đỗ Quốc T, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 36, ấp P, xã PH, huyện A, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, bà N có mặt; ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của bà Trần Thị N; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị N với ông Đỗ Quốc T do mai mối được gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới năm 1999. Sau đó đăng ký kết hôn trễ hạn và được Ủy ban nhân dân xã PH, huyện A, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/3/2005.

Về nguyên nhân xin ly hôn, bà N trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Thời gian gần đây thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông T có quan hệ với người phụ nữ khác, vợ chồng thường cự cãi. Bà N và gia đình đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông T không sửa đổi. Hiện hai người đã ly thân. Xét tình cảm vợ chồng không còn nên bà N xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đỗ Trần Phương V, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2004 hiện đang sống với bà N. Bà N có nguyện vọng được nuôi con chung sau ly hôn.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T không tham gia phiên họp công khai, tài liệu chứng cứ và hòa giải nên không thể ghi nhận ý kiến của ông T.

Về chứng cứ:

Bà Nguyễn Thị N cung cấp: Giấy chứng minh nhân, sổ hộ khẩu, Giấy chứng nhận kết hôn, Giấy khai sinh con chung.

Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi con và nơi cư trú của ông T, xác định được: Về tình trạng hôn nhân đúng như trình bày của bà N; về nơi cư trú thì ông T vẫn còn đăng ký hộ khẩu và sinh sống tại xã PH. Về điều kiện nuôi con thì bà N có điều kiện nuôi con.

Tại Biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên ngày 08/6/2018, cháu Đỗ Trần Phương V có nguyện vọng được chung sống với bà N sau ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi.

Về nội dung: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Đỗ Quốc T mâu thuẫn là trầm trọng, nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu nuôi con chung sau ly hôn của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã hai lần triệu tập tiến hành hòa giải, công khai tài liệu, chứng cứ và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông T không tham gia hòa giải. Bà N có yêu cầu không tiến hành hòa giải, nên tiến hành xét xử không qua thủ tục hòa giải là phù hợp quy định tại Điều 205, 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập xét xử lần thứ hai nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do. Như vậy, ông T đã tự từ bỏ quyền quyền tham gia tố tụng, đồng thời bà N yêu cầu xét xử vắng mặt ông T, nên tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T là phù hợp quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết*: Quan hệ hôn nhân của bà N, ông T có đăng ký kết và được Ủy ban nhân dân xã PH cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/3/2005. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Bà N yêu cầu xin ly hôn; nuôi con chung, ông T vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại xã PH, huyện A, tỉnh An Giang, nên yêu cầu của bà N được Tòa án thụ lý giải quyết phù hợp với quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình và các điều 29, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Về tình cảm: Bà N xác định nguyên nhân mâu thuẫn trong tình cảm là do ông T có quan hệ với người phụ nữ khác, thường đi sớm về muộn, thiếu quan tâm chăm lo gia đình, thường cự cãi và ông T có hành vi bạo lực. Gia đình đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng ông T không sửa đổi. Qua xác minh cho thấy, bà N và ông T thường hay cự cãi và hai người đã ly thân từ nhiều tháng trước. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa bà N với ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà N và ông T có 01 con chung tên Đỗ Trần Phương V, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2004 hiện đang sống với bà N. Cháu V cũng có nguyện vọng được chung sống với bà N sau ly hôn. Xét điều kiện nuôi con, nguyện vọng của cháu V, xét nên giao cháu V cho bà N nuôi dạy sẽ đảm bảo được quyền và lợi ích của cháu.

Công nhận sự tự nguyện của bà N về việc không yêu cầu ông Thanh cấp dưỡng nuôi con chung.

Tuy nhiên, bà N cùng các thành viên trong gia đình không ai được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Tuy nhiên, nếu ông T có tài liệu, chứng cứ chứng minh là có tài sản chung hoặc nợ chung thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu ông T có yêu cầu thì sẽ được thụ lý giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về chi phí tố tụng:

Bà N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm;

Các đương sự không phải chịu chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N được ly hôn với ông Đỗ Quốc T.

Về con chung: Bà Trần Thị N được tiếp tục nuôi cháu Đỗ Trần Phương V, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2004.

Công nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Bà Trần Thị N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002858 ngày 19/3/2018. (Bà N đã nộp đủ).

Bà Trần Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/7/2018) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của ông Đỗ Quốc T là 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

(Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (2);
- THADS huyện An Phú (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Văn Sáu